

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 252/2003/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về quản lý buôn bán hàng hoá qua biên giới
với các nước có chung biên giới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài và Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ các Hiệp định song phương trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại được ký kết giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động buôn bán hàng hoá qua biên giới quy định tại Quyết định này gồm :

- Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới.
- Buôn bán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu.

3. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới theo các phương thức không theo thông lệ buôn bán quốc tế đã được thỏa thuận trong các Hiệp định thương mại song phương giữa Cộng hòa xã hội Việt Nam và các nước có chung biên giới.

Điều 2. Hàng hoá buôn bán qua biên giới

Trừ hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa kinh doanh có điều kiện phải thực hiện theo những quy định tại Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, các Quyết định có liên quan khác của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Thương mại và các Bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành, các hàng hóa khác được tự do trao đổi, buôn bán và xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới.

Điều 3. Chất lượng hàng hóa buôn bán qua biên giới

1. Chất lượng hàng hóa buôn bán qua biên giới phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch theo quy định hiện hành thì phải được kiểm tra về chất lượng trước khi thông quan; không được nhập khẩu qua những cửa khẩu không có các điểm kiểm dịch động thực vật, kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Thương mại, sau khi trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, xem xét, có biện pháp điều hành cụ thể việc kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm và sức khỏe người tiêu dùng.

Điều 4. Thanh toán

1. Hàng hóa buôn bán qua biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng đồng Việt Nam và đồng tiền của nước có chung biên giới.

2. Phương thức thanh toán : do các bên mua, bán thỏa thuận phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở Hiệp định về thanh toán được ký kết giữa nước ta và các nước có chung biên giới; khuyến khích các chủ thể kinh doanh thanh toán qua ngân hàng theo các phương thức : mở tín dụng thư; hàng đổi hàng; thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng đồng Việt Nam và đồng tiền của nước có chung biên giới.

Điều 5. Chính sách thuế

1. Hàng hóa buôn bán qua biên giới phải nộp thuế và các lệ phí khác theo quy định của luật pháp Việt Nam và được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng hóa qua biên giới theo các thỏa thuận song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới nếu có.
2. Riêng hàng hóa do cư dân nước có chung biên giới sản xuất nhập khẩu vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của cư dân biên giới dưới hình thức mua bán, trao đổi cư dân biên giới được miễn thuế nhập khẩu nếu trị giá hàng hóa đó không quá 500.000 VND/1 người/1 ngày.
3. Các chính sách thuế liên quan khác thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể việc thực hiện.

Chương II

Mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

Điều 6. Chủ thể được mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

Công dân có hộ khẩu thường trú tại các huyện tiếp giáp biên giới với các nước có chung biên giới được mua bán, trao đổi các mặt hàng phù hợp với quy định về hàng hóa buôn bán qua biên giới được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 7. Cửa khẩu, địa điểm mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

1. Cửa khẩu được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới thỏa thuận mở.
2. Cửa khẩu và các điểm thông quan khác thuộc các Khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập.
3. Cửa khẩu do các tỉnh tiếp giáp biên giới của Việt Nam và tỉnh tiếp giáp biên giới của nước có chung biên giới thỏa thuận mở và được Bộ Thương mại cho phép tiến hành làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất - nhập khẩu.
4. Đường mòn được chính quyền địa phương cấp tỉnh vùng biên giới hai nước hiệp thương xác định theo luật pháp hiện hành và quy định có liên quan của Chính phủ hai nước.

Chương III

Xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

Điều 8. Chủ thể được xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

- Doanh nghiệp, đơn vị thuộc các thành phần kinh tế đăng ký, thành lập theo Luật pháp Việt Nam.
- Hộ kinh doanh thuộc các tỉnh tiếp giáp biên giới đăng ký theo quy định tại Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Điều 9. Cửa khẩu xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới

1. Cửa khẩu được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới thỏa thuận mở.
2. Cửa khẩu và các điểm thông quan khác thuộc các Khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập.
3. Cửa khẩu do các tỉnh tiếp giáp biên giới của Việt Nam và tỉnh tiếp giáp biên giới của nước có chung biên giới thỏa thuận mở và được Bộ Thương mại cho phép tiến hành làm thủ tục thông quan hàng hoá xuất - nhập khẩu.

Chương IV

Mua bán hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

Điều 10. Chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Chợ biên giới là chợ được lập ra trong khu vực biên giới trên đất liền nhưng không thuộc các chợ nói tại khoản 2 và khoản 3 dưới đây.
2. Chợ cửa khẩu là chợ được lập ra trong khu vực biên giới trên đất liền gắn với các cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá nhưng không thuộc Khu kinh tế cửa khẩu.
3. Chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu là chợ được lập ra trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới.

Điều 11. Chủ thể kinh doanh tại chợ

1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp, được phép tổ chức kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu.